

Bản án số: 148/2020/HS-PT

Ngày: 10 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Mai Xuân Thành**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông **Đoàn Ngọc T**  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phong K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo Nguyễn Phong K (tên gọi khác: Xệu); sinh ngày 08/6/1990 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Phong S và con bà Trương Thị N; tiền sự: không.

Tiền án:

- Bản án số 60/2009/HS-PT ngày 24/7/2009 của TAND tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm, xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 64/2009/HS-PT ngày 11/8/2009 của TAND tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm, xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 417/2010/HS-ST ngày 14/9/2010 của TAND thành phố Đ, tỉnh Biên Hòa xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với bản án của TAND tỉnh Quảng Bình, tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù.

- Bản án số 21/2011/HS-PT ngày 02/3/2011 của TAND tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt nhiều bản án, bị cáo phải chấp hành là 07 năm 06 tháng tù (ngày 04/3/2017 chấp hành xong hình phạt).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2019, có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo; một số bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Toà án không triệu tập tham gia phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phong K được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng thời gian từ ngày 13/5/2019 đến ngày 20/7/2019, Nguyễn Phong Q và Nguyễn Phong K đã lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, sử dụng vạm phá khóa xe để thực hiện hành vi lấy trộm 12 chiếc xe mô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; trong đó, Nguyễn Phong Q thực hiện cả 12 vụ trộm cắp tài sản; Nguyễn Phong K thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 164.000.000 đồng. Sau những lần lấy trộm Nguyễn Phong Q khai đưa xe bán cho Trần Tiến H. Tổng cộng H đã mua 06 chiếc xe mô tô từ Q, trong đó có 05 lần H nhận thức được rằng xe do phạm tội mà có, trị giá 05 chiếc xe trên là 103.000.000 đồng.

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng 12 giờ ngày 01/6/2019, Q rủ K xuống Đ chơi. K đồng ý và điều khiển xe mô tô YAMAHA EXCITER màu vàng (không nhớ biển số) chở Q theo đường Hồ Chí Minh xuống thành phố Đ. Đến ngang địa phận phường Đ, Q thấy trước nhà ông Hoàng T B ở tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố Đ có dựng nhiều xe mô tô nên nảy sinh ý định lấy trộm. Q nói với K *“Dừng lại, đây có nhiều xe để tau vô coi lấy được không”*. Lúc này, K đứng ngoài cảnh giới. Q đi lại gần dùng vạm phá khóa lấy trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen của ông Trần Văn M, trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn nông trường V, huyện B. Sau đó, Q chạy xe trộm cắp được vào thành phố H bán cho “T” với giá 3.500.000 đồng. Q chia cho K 1.000.000 đồng, trả cho K 700.000 đồng tiền Q mượn; số tiền còn lại Q tiêu xài cá nhân hết. Xe mô tô chưa thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3234/STC-KLĐG, ngày 08/10/2019 xác định: Trị giá xe tại thời điểm mất trộm là 14.000.000 đồng. Ông M yêu cầu bồi thường số tiền 14.000.000 đồng.

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 05 giờ ngày 03/6/2019, Q rủ K đi lấy trộm xe mô tô. K đồng ý và điều khiển xe mô tô của mình chở Q đi đến chợ Đ. Vì chưa lấy trộm được xe nên Q vào chợ mua thức ăn, K đứng đợi tại đường H. Khi Q trở ra thì thấy xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng-đen, biển kiểm soát 73G1 - 265.71 của chị Trương Thị Mai T, trú tại:, huyện Q đang dựng bên lề đường H, thuộc thành phố Đ. Q dùng vạm phá khóa lấy trộm xe rồi chạy theo hướng vào thành phố H, K chạy theo sau. Q gọi điện cho K nói *“Mi về đi, tau vô H bán xe được rồi tau ra”*. Trên đường đi Q tháo biển kiểm soát vứt lại bên đường, nhưng không nhớ vị trí. Q vào H bán xe cho Trần Tiến H với giá 3.500.000 đồng, chia cho K 1.700.000 đồng; số tiền còn lại Q tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2974/STC - KLTĐG, ngày 13/9/2019 xác

định: Trị giá xe tại thời điểm mất trộm là 11.000.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại xe cho chủ sở hữu. Chị T không yêu cầu bồi thường.

- *Vụ thứ ba*: Khoảng 18 giờ ngày 10/7/2019, K và Q rủ nhau đi lấy trộm xe mô tô. K chở Q bằng xe mô tô của mình tìm sơ hở để lấy trộm. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, K chở Q vào trường Đại học Quảng Bình theo lối cổng chính. K dừng xe gần căng tin rồi vào mua nước. Q thấy trước nhà thi đấu đa năng có dựng nhiều xe mô tô nên khi K trở ra, Q nói “*Mi đứng đây coi xe, để tau vô lấy kì xe ni*”. K hỏi “*Xe ở mô*” thì Q chỉ tay về hướng nhà thi đấu đa năng. K nói “*Để tau làm cho*”, Q đồng ý và đưa vạm phá khóa cho K vào lấy trộm, còn Q đứng canh giới. K đi vào dùng vạm phá khóa lấy trộm xe mô tô hiệu YAMAHA JUPITER MX màu đen-bạc, biển kiểm soát 73P1- 6678 của anh Phan T T trú tại: Thôn Tân Nam, xã Cự Nam, huyện B. Sau đó K chạy xe lên dưới chân cầu thuộc đường tránh gần chợ gia cầm của xã Đức Ninh, Q chạy xe của K theo sau. K giao xe vừa lấy trộm cho Q và cùng chạy theo đường tránh lên huyện Q. K điện thoại cho Phạm Thế H, trú tại: huyện Q nói việc có xe, dạng xe lậu cần bán. H biết Nguyễn Ngọc T, trú tại: huyện Q (là nhân viên của H) có nhu cầu mua xe, nên rủ T đi theo để xem xe. T đã mua xe trên với giá 2.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền cho K.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2410/STC-KLTĐG, ngày 01/8/2019 xác định: Trị giá xe tại thời điểm mất trộm là 8.500.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại xe cho chủ sở hữu, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- *Vụ thứ tư*: Khoảng 06 giờ ngày 11/7/2019, Q và K rủ nhau đi lấy trộm xe mô tô. K điều khiển xe mô tô của mình chở Q đi vòng quanh khu vực phường Nam Lý. Khi đi trên đường Lê Sỹ, K dừng xe lại nói với Q “*Trong nhà ni có cái xe*”, Q thấy trong sân nhà chị Nguyễn Thị D, trú tại: Tổ dân phố 2, phường N có dựng xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen-bạc, biển kiểm soát 73N6-1362, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa. K nói “*Vô coi kì xe nó lấy được không*” và đứng ngoài canh giới, Q đi vào sân dắt xe ra đường rồi nổ máy chạy lên đường tránh đoạn thuộc huyện Q; K chạy xe theo sau. K gọi điện cho Phạm Thế H để bán xe nhưng H không mua, nên K bảo Q chạy xe về quán nét của H ở huyện Q gặp Nguyễn Văn T và gửi xe tại đây.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2410/STC-KLTĐG, ngày 01/8/2019 xác định: Trị giá xe tại thời điểm mất trộm là 5.500.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại xe cho chủ sở hữu, chị D không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- *Vụ thứ năm*: Sau khi lấy trộm xe của chị D, K và Q rủ nhau tiếp tục đi lấy trộm xe mô tô. K chở Q đi theo đường Hồ Chí Minh vòng lên thị trấn Nông trường V rồi xuống thành phố Đ. Khi ngang qua khu nghĩa địa gần đường tránh, thuộc tổ

dân phố 6, phường B, Q thấy xe mô tô hiệu HONDA WAVE ALPHA màu trắng, biển kiểm soát 73GI-266.72 của anh Hoàng Văn A, trú tại: huyện Q đang dựng gần khu nghĩa địa. Đi ngang qua vị trí dựng xe khoảng 10 mét, K nói với Q “*Có xe wave alpha*” và quay lại rẽ vào khu nghĩa địa nhưng vì đường cụt nên Q xuống xe, còn K quay xe ra lại đường P và chạy xe đến gần cột đèn tín hiệu giao thông trên đường tránh đứng đợi. Q dùng vạm phá khóa lấy trộm xe chạy lên huyện Q, K chạy xe theo sau. Q gọi điện cho K hỏi tìm người mua xe, K gọi điện cho Phạm Thế H để bán xe nhưng H không nghe máy. K gọi lại cho Q nói tự giải quyết, còn K chạy xe lên nhà. Q chạy xe lấy trộm được vào thành phố H bán cho Trần Tiến H với giá 5.500.000 đồng. H nhận thức được là xe do Q lấy trộm nhưng vẫn mua xe. Số tiền này Q tiêu xài cá nhân hết, không chia cho K. Xe này H đã bán lại cho người tên Vinh không rõ địa chỉ với giá 6.000.000 đồng. Xe mô tô chưa thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3234/STC - KLĐG, ngày 08/10/2019 xác định: Trị giá xe tại thời điểm mất trộm là 11.000.000 đồng. Quá trình điều tra gia đình anh H đã thỏa thuận với anh Hoàng Văn A đền bù số tiền 10.000.000 đồng, anh Hoàng Văn A chấp nhận và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Phong K tham gia cùng Nguyễn Phong Q trộm cắp 05 xe mô là 50.000.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phong K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo K bị bắt tạm giam 24/7/2019.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phong Q, Trần Tiến H; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2020, bị cáo Nguyễn Phong K kháng cáo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị cáo Nguyễn Phong K trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bị cáo Nguyễn Phong K đã nhiều lần bị xét xử về hình sự, chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 50.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu)

tháng tù áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Phong K mong Hội đồng xét xử khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt.

*Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, bị cáo Nguyễn Phong K kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Như vậy, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phong K là trong thời hạn quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Phong K nhận tội. Lời khai nhận tội của bị cáo K phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp với lời khai những bị hại và những tài liệu, chứng cứ được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình thu thập có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong thời gian từ ngày 01/6/2019 đến ngày 11/7/2019, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình bị cáo Nguyễn Phong K cùng bị cáo Nguyễn Phong Q trộm cắp 05 xe mô tô với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 50.000.000đ. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử bị cáo Nguyễn Phong K, Nguyễn Phong Q về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những bị hại, gây nguy hiểm cho xã hội. Trong 05 vụ trộm cắp 05 xe mô tô thì bị cáo K chủ động rủ bị cáo Q đi trộm cắp 02 vụ, bị cáo K trực tiếp trộm cắp 01 xe mô tô. Sau khi trộm cắp được 05 xe mô tô, bị cáo K chủ động điện thoại để bán 03 xe. Trong số 05 xe mô tô bị cáo K cùng bị cáo Q trộm cắp có 04 xe mô tô đã được thu hồi trả lại cho bị hại; còn 01 xe mô tô bị hại yêu cầu bồi thường. Như vậy, bị cáo K bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên. Bị cáo có 04 tiền án, lần phạm tội này bị coi là tái phạm nguy hiểm. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 50.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Phong K cung cấp tình tiết mới là gia đình có ông bà, bố mẹ là người có công; gia đình thuộc hộ nghèo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo bị xét xử với hai tình tiết định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 173 và tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1

Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) là không nặng. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Phong K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phong K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phong K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2019.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Phong K phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Long      Mai Xuân Thành**

**Trần Quốc Cường**

